

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

Số: 32/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hậu Giang, ngày 18 tháng 10 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2022
vốn ngân sách địa phương (lần 3)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Xét Tờ trình số 144/TTr-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về dự thảo Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2022 vốn ngân sách địa phương (lần 3); Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang thống nhất điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2022 vốn ngân sách địa phương (lần 3), với số vốn 68.437 triệu đồng. Cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2022 vốn ngân sách địa phương: 66.529 triệu đồng.
2. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2022 vốn bố trí để thu hồi tạm ứng: 1.908 triệu đồng.

(đính kèm Phụ lục I, II)

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang Khóa X Kỳ họp thứ 11 thông qua và có hiệu lực từ ngày 18 tháng 10 năm 2022. / *me*

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ (HN-TP. HCM);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN và các đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND, UBMTTQVN cấp huyện;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT. *me*

CHỦ TỊCH



Trần Văn Huyền



Phụ lục I
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022
(Kèm theo Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang)

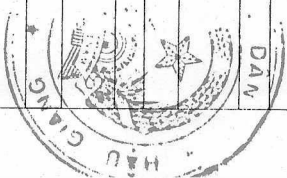
Đơn vị: Triệu đồng

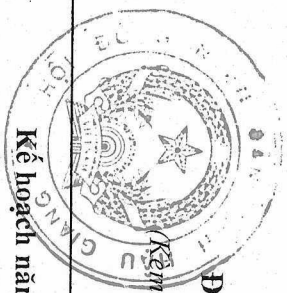
STT	 Đanh mục dự án	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Quyết định chủ trương/Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2022 đã giao							Kế hoạch năm 2022 điều chỉnh, bổ sung							Giảm	Tăng	Ghi chú
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMBT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	CBNS	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	CBNS	Trong đó:							
										Tổng số	Tiền sử dụng đất	XSKT			Thu vượt tiền sử dụng đất năm 2022	Tổng số	Tiền sử dụng đất	XSKT	Thu vượt tiền sử dụng đất năm 2022			
						942.574	735.069	263.039	135.470	9.490	83.745	34.334	263.039	135.470	9.490	83.745	34.334	66.529	66.529			
	Tổng số																			60		
a	Hỗ trợ đầu tư phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết số 26/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh												60									
b	Thực hiện dự án					942.574	735.069	263.039	135.470	9.490	83.745	34.334	262.979	135.470	9.490	83.685	34.334	66.529	66.469			
	CẤP TỈNH QUẢN LÝ					674.781	467.276	178.004	68.070	-	75.600	34.334	159.886	44.784	-	80.768	34.334	58.041	39.923			
I	Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh					52.834	52.834	34.334	-	-	-	34.334	1.208	-	-	-	1.208	33.126	-			
	Dự án khởi công mới năm 2022					52.834	52.834	34.334	-	-	-	34.334	1.208	-	-	-	1.208	33.126	-			
1	Đầu tư giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án Khu đô thị mới đường Hòa Bình, thành phố Vị Thanh	2022	2024	1249/QĐ-UBND, 05/7/2022	13.550	13.550	8.900					8.900	435					435	8.465	Số vốn còn lại bố trí để thanh toán chi phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất		
2	Đầu tư giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án Khu dân cư nông thôn mới Phú Khô, xã Thanh Hòa, huyện Phụng Hiệp	2022	2024	1248/QĐ-UBND, 05/7/2022	39.284	39.284	25.434					25.434	773					773	24.661			
II	Số Nông nghiệp và Phát triển nông thôn				287.469	79.964	27.704	26.804	-	900	-	-	13.319	13.319	-	-	-	14.385	-			
	Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2022				281.505	74.000	26.804	26.804	-	-	-	-	13.319	13.319	-	-	-	13.485	-			
1	Dự án chuyển đổi nông nghiệp bền vững tỉnh Hậu Giang (VNSAT) vốn vay Ngân hàng Thế giới (WB)	2015	2022	1569/QĐ-UBND, 9/11/201, 823/QĐ-UBND, 10/5/2021	281.505	74.000	26.804	26.804					13.319	13.319				13.485				
	Dự án khởi công mới năm 2022				5.964	5.964	900	-	-	900	-	-	-	-	-	-	-	900	-			
I	Xây dựng bãi đỗ nông hóa thổ nhưỡng phục vụ định hướng vùng sản xuất nông nghiệp tỉnh Hậu Giang	2022	2024	1155/QĐ-UBND, 22/6/2022	5.964	5.964	900			900								900				
III	Số Kế hoạch và Đầu tư				62.964	62.964	21.415	21.415	-	-	-	-	11.986	11.986	-	-	-	9.429	-			
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022				62.964	62.964	21.415	21.415	-	-	-	-	11.986	11.986	-	-	-	9.429	-			
1	Quy hoạch tỉnh Hậu Giang thời kỳ 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2050	2020	2022	1445/QĐ-UBND, 12/8/2020	54.964	54.964	19.000	19.000					10.887	10.887				8.113				
2	Nâng cấp, sửa chữa Trụ sở Số Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang	2021	2023	370/QĐ-SKHDT, 09/12/2020	4.500	4.500	2.328	2.328					1.099	1.099				1.229				
3	Xây dựng Hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý và phát triển doanh nghiệp tỉnh Hậu Giang	2021	2023	363/QĐ-SKHDT, 01/12/2020	3.500	3.500	87	87					-	-				87				
IV	Số Tài chính				3.000	3.000	766	766	-	-	-	-	751	751	-	-	-	15	-			
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022				3.000	3.000	766	766	-	-	-	-	751	751	-	-	-	15	-			
1	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở Sở Tài chính tỉnh Hậu Giang	2021	2023	13/QĐ-SKHDT, 15/01/2021	3.000	3.000	766	766					751	751				15				
V	Khu Bảo tồn thiên nhiên Lưng Ngựa Hoàng				2.000	2.000	1.231	1.231	-	-	-	-	1.960	1.960	-	-	-	-	729			



STT	Danh mục dự án	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Quyết định chủ trương/Quyết định đầu tư				Kế hoạch năm 2022 đã giao						Kế hoạch năm 2022 điều chỉnh, bổ sung						Giảm	Tăng	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:									
					Tổng số	Trong đó: NSDP			CDNS	Tiền sử dụng đất	XSKT		Thu vượt tiền sử dụng đất năm 2022	CDNS	Tiền sử dụng đất	XSKT	Thu vượt tiền sử dụng đất năm 2022					
	Dự án khởi công mới năm 2022				2.000	2.000	1.231	1.231	-	-	-	1.960	1.960	-	-	-	-	729				
1	Hoàn thiện khu phức hợp thuộc dự án vườn sưu tập thực vật	2022	2024	2330/QĐ-UBND, 02/12/2021	2.000	2.000	1.231	1.231	-	-	-	1.960	1.960	-	-	-	-	729				
VI	Văn phòng UBND tỉnh				9.000	9.000	2.159	2.159	-	-	-	4.469	4.469	2.159	-	-	-	2.310	0	2.310		
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022				9.000	9.000	2.159	2.159	-	-	-	4.469	4.469	2.159	-	-	-	2.310	0	2.310		
1	Xây dựng Hệ thống tư lý áo giải đáp thủ tục hành chính và nâng cấp ứng dụng di động Hậu Giang, Hệ thống quản lý văn bản	2021	2023	275/QĐ-SKHĐT, 06/8/2021	9.000	9.000	2.159	2.159	-	-	-	4.469	4.469	2.159	-	-	-	2.310	0	2.310		
VII	Sở Tài nguyên và Môi trường				52.314	52.314	15.695	15.695	-	-	-	14.609	14.609	14.609	-	-	-	1.086	-	-		
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022				52.314	52.314	15.695	15.695	-	-	-	14.609	14.609	14.609	-	-	-	1.086	-	-		
1	Dự án Giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án Chính trường đô thị khu vực 3, phường 5, thành phố Vĩ Thanh	2021	2023	1637/QĐ-UBND, 23/8/2021	52.314	52.314	15.695	15.695	-	-	-	14.609	14.609	14.609	-	-	-	1.086	-	-		
VIII	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh				8.700	8.700	3.000	3.000	-	-	-	6.000	6.000	-	-	-	-	3.000	-	-		
	Dự án khởi công mới năm 2022				8.700	8.700	3.000	3.000	-	-	-	6.000	6.000	-	-	-	-	3.000	-	-		
1	Nâng cấp, sửa chữa công - hàng rào, nhà trực bảo vệ mức tiêu, trung tâm dịch vụ truyền hình và điều hành, nhà đất máy phát sóng	2022	2024	62/QĐ-SKHĐT, 22/3/2022	8.700	8.700	3.000	3.000	-	-	-	6.000	6.000	-	-	-	-	3.000	-	-		
IX	Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang				152.000	152.000	46.700	46.700	-	-	-	78.501	78.501	-	-	-	-	30.816	-	31.801		
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022				152.000	152.000	46.700	46.700	-	-	-	78.501	78.501	-	-	-	-	30.816	-	31.801		
1	Trạm cấp nước tập trung xã Tân Phước Hưng, huyện Phụng Hiệp (Công suất 50m³/h)	2021	2023	624/QĐ-UBND, 30/3/2021	22.000	22.000	6.000	6.000	-	-	-	10.145	10.145	-	-	-	-	4.145	-	4.145		
2	Trạm cấp nước tập trung liên xã Hòa An và xã Hiệp Hưng, huyện Phụng Hiệp (Công suất 200m³/h)	2021	2023	737/QĐ-UBND, 19/4/2021	43.000	43.000	10.700	10.700	-	-	-	26.569	26.569	11.685	-	-	-	14.884	-	15.869		
3	Nâng cấp, mở rộng Trạm cấp nước tập trung Lòng Bình, thị xã Long Mỹ (Năng công suất từ 40m³/h lên 100m³/h)	2021	2023	736/QĐ-UBND, 19/4/2021	20.000	20.000	7.000	7.000	-	-	-	10.215	10.215	7.000	-	-	-	3.215	-	3.215		
4	Nâng cấp, mở rộng Trạm cấp nước tập trung xã Hòa Tiến, thành phố Vĩ Thanh (Năng công suất từ 35m³/h lên 100m³/h)	2021	2023	623/QĐ-UBND, 30/3/2021	18.000	18.000	6.000	6.000	-	-	-	9.749	9.749	6.000	-	-	-	3.749	-	3.749		
5	Nâng cấp, mở rộng Trạm cấp nước tập trung Vĩ Thắng, huyện Vĩ Thủy (Năng công suất từ 50m³/h lên 100m³/h)	2021	2023	739/QĐ-UBND, 19/4/2021	17.000	17.000	8.000	8.000	-	-	-	8.864	8.864	8.000	-	-	-	864	-	864		
6	Nâng cấp, mở rộng Trạm cấp nước tập trung Phương Phú, huyện Phụng Hiệp (Năng công suất từ 50m³/h lên 100m³/h)	2021	2023	93/QĐ-SKHĐT ngày 16/3/2021	15.000	15.000	4.000	4.000	-	-	-	4.589	4.589	4.000	-	-	-	589	-	589		
7	Nâng cấp, mở rộng Trạm cấp nước tập trung xã Phương Bình (Năng công suất từ 30m³/h lên 100m³/h)	2021	2023	738/QĐ-UBND, 19/4/2021	17.000	17.000	5.000	5.000	-	-	-	8.370	8.370	-	-	-	-	3.370	-	3.370		
X	Sở Giáo dục và Đào tạo				44.500	44.500	25.000	25.000	-	-	-	27.083	27.083	-	-	-	-	2.083	-	2.083		
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022				44.500	44.500	25.000	25.000	-	-	-	27.083	27.083	-	-	-	-	2.083	-	2.083		

STT	Danh mục dự án	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Quyết định chủ trương/Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2022 đã giao						Kế hoạch năm 2022 điều chỉnh, bổ sung						Giảm	Tăng	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	CDNS	Tiền sử dụng đất	XSKT	Tư vượt tiền sử dụng đất năm 2022	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	CDNS	Tiền sử dụng đất	XSKT	Tư vượt tiền sử dụng đất năm 2022			
I	Trang thiết bị ô tô thuộc lớp I	2021	2023	1765/QĐ-UBND, 15/9/2021	44.500	44.500		25.030			25.000		27.083			27.083			2.083	
B	CẤP HUYỆN QUÂN LỸ				267.793	267.793		85.035	67.400	9.490	8.145	-	103.093	90.686	9.490	2.917		-	8.488	26.546
I	UBND thành phố Vị Thanh				57.293	57.293		24.200	13.500	5.700	5.000	-	18.857	10.240	5.700	2.917		-	5.343	-
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022				37.293	37.293		19.200	13.500	5.700	-	-	15.940	10.240	5.700	-	-	-	3.260	-
I	Đường Hòa Bình nội dài	2021	2023	255/QĐ-UBND, 09/02/2021	37.293	37.293		19.200	13.500	5.700		-	15.940	10.240	5.700		-	-	3.260	-
	Dự án khởi công mới năm 2022				20.000	20.000		5.000	-	-	5.000	-	2.917	-	-	2.917	-	-	2.083	-
I	Kê gĩa cỏ và nâng cấp mặt đê Xã Nô đơn từ cầu 6 Thước đến cầu Ba Voi	2022	2024	662/QĐ-UBND, 31/3/2022	20.000	20.000		5.000			5.000		2.917			2.917		-	2.083	
II	UBND thành phố Ngã Bảy				22.000	22.000		8.290	6.000	2.290	-	-	10.790	8.500	2.290	-	-	-	2.500	
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022				22.000	22.000		8.290	6.000	2.290	-	-	10.790	8.500	2.290	-	-	-	2.500	
I	Khu tái định cư thành phố Ngã Bảy	2021	2023	1885/QĐ-UBND, 05/10/2021	22.000	22.000		8.290	6.000	2.290		-	10.790	8.500	2.290		-	-	2.500	
III	UBND thị xã Long Mỹ				60.000	60.000		12.500	11.000	1.500	-	-	21.500	20.000	1.500	-	-	-	9.000	
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022				60.000	60.000		12.500	11.000	1.500	-	-	21.500	20.000	1.500	-	-	-	9.000	
I	Khu tái định cư thị xã Long Mỹ	2021	2024	1858/QĐ-UBND, 29/9/2021	60.000	60.000		12.500	11.000	1.500		-	21.500	20.000	1.500		-	-	9.000	
IV	UBND huyện Vị Thủy				60.000	60.000		19.900	19.900	-	-	-	28.946	28.946	-	-	-	-	9.046	
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022				60.000	60.000		19.900	19.900	-	-	-	28.946	28.946	-	-	-	-	9.046	
I	Khu tái định cư thị trấn Nàng Mau, huyện Vị Thủy	2021	2024	1899/QĐ-UBND, 06/10/2021	60.000	60.000		19.900	19.900			-	28.946	28.946			-	-	9.046	
V	UBND huyện Phụng Hiệp				8.500	8.500		3.145	-	-	3.145		-	-	-	-	-	-	3.145	
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022				8.500	8.500		3.145	-	-	3.145		-	-	-	-	-	-	3.145	
I	Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã Tân Long	2021	2023	4716/QĐ-UBND, 12/7/2021	8.500	8.500		3.145			3.145		-	-	-	-	-	-	3.145	
VI	UBND huyện Châu Thành A				60.000	60.000		17.000	17.000	-	-	-	23.000	23.000	-	-	-	-	6.000	
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022				60.000	60.000		17.000	17.000	-	-	-	23.000	23.000	-	-	-	-	6.000	
I	Khu tái định cư xã Tân Phú Thanh	2021	2023	1855/QĐ-UBND, 29/9/2021	60.000	60.000		17.000	17.000			-	23.000	23.000			-	-	6.000	





Phụ lục II
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH NĂM 2022 VỐN BỔ TRÍ ĐỂ THU HỒI VỐN ỨNG TRƯỚC
Kèm theo Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang

Đơn vị: *Trịệu đồng*

STT	Kế hoạch năm 2022 đã giao		Kế hoạch năm 2022 điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú
	Tên dự án	Nguồn thu vượt trong cân đối ngân sách	Mã dự án	Tên dự án	Nguồn thu vượt trong cân đối ngân sách
	TỔNG SỐ	1.908		TỔNG SỐ	1.908
A	Thu hồi tạm ứng ngân sách	500		Thu hồi tạm ứng ngân sách	500
	Vốn ứng trước Kế hoạch năm 2009 và tạm ứng ngân sách (Năm 2008)	500		Vốn ứng trước Kế hoạch năm 2009 và tạm ứng ngân sách (Năm 2008)	500
	Vốn quy hoạch	500		Vốn Quy hoạch	500
	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hậu Giang	500		Công ty Phát triển hạ tầng khu công nghiệp Hậu Giang	500
	CP khảo sát - Nhiệm vụ quy hoạch 1/2000 Cụm công nghiệp tập trung Phú Hữu A (giai đoạn 3)	500	7107980	Cụm công nghiệp tập trung Phú Hữu A - giai đoạn 3	500
1	Thu hồi tạm ứng tồn quỹ ngân sách tỉnh	1.408		Thu hồi tạm ứng tồn Quỹ ngân sách tỉnh	1.408
B	Vốn ứng năm 2008	1.408		Vốn ứng năm 2008	1.408
	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hậu Giang	1.408		Công ty Phát triển hạ tầng khu công nghiệp Hậu Giang	1.408
	Khu tái định cư phục vụ Khu công nghiệp Sông Hậu	30	7007354	Khu tái định cư phục vụ Khu công nghiệp Sông Hậu đợt 1 - giai đoạn 1, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang	30
	Khu tái định cư phục vụ Khu công nghiệp Sông Hậu - giai đoạn 1	1.378	7007308	Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Sông Hậu đợt 1 - giai đoạn 1, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang	1.378